

Bản án số: 120/2018/KDTM-PT
Ngày 24, 25-9-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
vốn đầu tư kinh doanh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Thành
Ông Hoàng Minh Thành
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Giang- Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Hoa -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 63/2018/KTPT ngày 18/6/2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay vốn đầu tư kinh doanh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2018/QĐ-PT ngày 01/8/2018 giữa:

*** Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại và tổng hợp V**

Địa chỉ: số 45 phố N, phường Đ, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn V; Chức vụ:
Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn T1, sinh năm
1973, có địa chỉ tại: P605, Chung cư 184 H, quận C, Hà Nội.
Ông T có mặt.

*** Bị đơn: Công ty TNHH vận tải và du lịch H**

Địa chỉ: Khu công nghiệp L, xã L, huyện T, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Hải N; Chức
vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Thế T2, có địa chỉ tại:
số 19 ngõ 24 K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (Địa chỉ
liên lạc tại số 72 N, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội).
Ông T2 có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1959, có địa chỉ tại: P502- 12 P, phường P , quận Đ , thành phố Hà Nội. Ông T3 vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn T1, sinh năm 1973, có địa chỉ tại: P605, Chung cư 184 H , quận C , thành phố Hà Nội. Ông T1 có mặt.

2. Ông Nguyễn Tuấn A , sinh năm 1961; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 - Bộ Công an. Ông Tuấn A vắng mặt.

3. Công ty CP vận tải O, có địa chỉ tại: số 62 phố H, phường V , quận L , thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đăng H , chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Tất T4, sinh năm 1968, có địa chỉ tại: số 18 phố H , thị trấn H , huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Thế T2, có địa chỉ tại: số 19 ngõ 24 K2, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội (Địa chỉ liên lạc tại số 72 N, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội). Ông T2 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Ngày 08/7/2015, Công ty TNHH thương mại và tổng hợp V (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty TNHH vận tải và du lịch H (sau đây gọi tắt là Công ty H) ký Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 50HĐTD/TVN-HV với nội dung: Công ty V cho Công ty H vay số tiền 35 tỷ đồng; Mục đích vay vốn: Đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay 5 tháng (từ ngày 08/7/2015 đến 08/12/2015). Ngoài ra, hợp đồng còn thỏa thuận các điều khoản để Công ty V kiểm soát, bảo vệ nguồn vốn và quyền ưu tiên mua cổ phần.

- Nguyên đơn là Công ty V trình bày:

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty V đã chuyển giao cho Công ty H tổng số tiền là 35.000.000.000 đồng (hình thức chuyển tiền: tiền mặt 5 tỷ, chuyển khoản 30 tỷ).

Ngày 21/8/2015, Công ty V đã ký Giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T3 đại diện cho Công ty V tiến hành thực hiện các hoạt động đầu tư với ông Nguyễn Tuấn A , để đầu giá mua cổ phần của Tổng Công ty Công nghiệp Ô năm giữ tại Công ty O với tổng số cổ phần thoái vốn là 1.838.400 cổ phần chiếm 73,54% vốn điều lệ của Công ty O theo quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Công nghiệp Ô tại Công ty O. Trong đó, Công ty V sẽ đầu tư tiền mua cổ phần, nắm giữ 35% vốn điều lệ của Công ty O, việc đầu tư đầu giá mua cổ phần này được thực hiện bằng danh nghĩa và tư cách pháp nhân của Công ty H .

Công ty H đã trúng đấu giá toàn bộ 1.838.400 cổ phần thuộc sở hữu của Tổng công ty công nghiệp ô tô tại Công ty O được chào bán, với giá trúng đấu giá là 31.600 đồng/cổ phần.

Sau khi trúng đấu giá, Công ty H không chuyển cổ phần cho Công ty V theo thỏa thuận mặc dù Công ty V đã nhiều lần yêu cầu thực hiện đúng thỏa thuận ban đầu.

Ngày 23/8/2015, ông Nguyễn Thanh T3 và Công ty H ký dưới sự chứng kiến của ông Nguyễn Tuấn A ký kết văn bản cam kết với nội dung: ông T3 thay mặt Công ty V và đại diện Công ty H đã giao kết, xác định toàn bộ số vốn góp chuyển thành tiền vay. Công ty H cam kết thời hạn thanh toán chia làm hai giai đoạn, gồm tiền gốc và tiền chi phí cơ hội do bên vay tự nguyện chi trả cho bên góp vốn là 9.338.000.000 đồng. Cụ thể: Giai đoạn 1 đến ngày 30/10/2015, số tiền phải trả là 20 tỷ; Giai đoạn 2 đến ngày 08/12/2015, số tiền phải trả là 24.356.000.000 đồng.

Như vậy Công ty H tự nguyện cam kết sẽ trả thêm cho Công ty V số tiền 9.338.000.000 đồng là lợi nhuận cơ hội do Công ty H đã mua được cổ phần. Nhưng đến nay Công ty H chưa trả cho Công ty V và cũng không chuyển cổ phần.

Công ty V khởi kiện yêu cầu: Nếu Công ty H không trả cổ phần thì buộc Công ty H phải trả lại số tiền gốc và chênh lệch giá trị theo cam kết ngày 23/8/2015 cùng với lãi suất trên tổng số tiền mà Công ty V đã đầu tư cho Công ty H. Số tiền cụ thể như sau: Tiền nợ theo hợp đồng là 35.000.000.000 đồng và tiền lãi; Trả số tiền 9.338.000.000 đồng theo như cam kết ngày 23/8/2015.

- Bị đơn Công ty H trình bày:

Xác nhận có việc Công ty H vay số tiền 35 tỷ đồng của Công ty V theo hợp đồng vay vốn kinh doanh số 50HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015 với thời hạn vay là 05 tháng (từ ngày 08/7/2015 đến 08/12/2015), mục đích vay vốn để đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh, nội dung hợp đồng không thỏa thuận về lãi.

Từ ngày hết thời hạn vay theo hợp đồng là ngày 08/12/2015 đến nay, Công ty H chưa trả số tiền nào cho Công ty V. Công ty H chỉ đồng ý trả cho Công ty V số tiền gốc 35 tỷ đồng đã vay, không đồng ý trả bất kỳ khoản lãi nào, không đồng ý trả cổ phần, không thừa nhận Bản cam kết ngày 23/8/2015 trả thêm số tiền là 9.338.000.000 đồng cho Công ty V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Tất T4: Ông là Phó giám đốc Công ty H, ông T4 có biết và công nhận hiệu lực của Hợp đồng số 50HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015. Do trong hợp đồng không quy định về lãi nên Công ty H chỉ đồng ý trả số tiền gốc đã vay là 35 tỷ đồng, không đồng ý trả bất kỳ khoản lãi nào, không đồng ý trả cổ phần, không thừa nhận Bản cam kết ngày 23/8/2015 trả thêm số tiền là 9.338.000.000 đồng cho Công ty V.

+ Ông Nguyễn Thanh T3: Tháng 1/2015, ông T3 được biết Bộ giao thông vận tải đã chấp thuận chủ trương đồng ý để Tổng công ty công nghiệp ô tô toàn bộ 1.838.400 cổ phần tương đương với 73,54% vốn điều lệ của Nhà nước tại Công ty cổ phần vận tải O. Ông T3 và ông Nguyễn Tuấn A cùng nhau bàn bạc, thống nhất, quyết tâm mua toàn bộ số cổ phần của Tổng công ty công nghiệp ô tô tại Công ty O thông qua Công ty H do bà Nguyễn Thị Hải N (là mẹ đẻ của ông Nguyễn Tuấn A) làm giám đốc.

Vì không có tiền nên ông T3 đề nghị ông Nguyễn Văn V - Giám đốc công ty V đầu tư bằng việc cho Công ty H vay tiền. Ông V đồng ý nhưng yêu cầu phải viết thỏa thuận là tôi nhận vay của Công ty V số tiền này (Biên bản thỏa thuận ngày 02/7/2015) để làm tin thì mới đầu tư cho vay, thực tế ông T không vay tiền của Công ty V. Để đảm bảo khoản đầu tư, Công ty V đã ủy quyền cho ông T tiến hành các công việc liên quan và trực tiếp giao dịch với Công ty H. Sau khi thỏa thuận xong, Công ty V và Công ty H có ký hợp đồng số 50/HĐTD/TVN-HV ngày 8/7/2015, theo đó Công ty V cho Công ty H vay tiền để đầu tư kinh doanh và sẽ được cử 02 người làm đại diện tham gia vào việc quản trị điều hành Công ty O với tỷ lệ cổ phần được chuyển nhượng từ Công ty H là 35% tổng số cổ phần của Công ty O. Các bên có thỏa thuận bằng văn bản về nội dung này và Công ty V đã chuyển cho Công ty H tổng số tiền 35 tỷ đồng. Công ty H đã trúng đấu giá toàn bộ 1.838.400 cổ phần thuộc sở hữu của Tổng công ty công nghiệp ô tô được chào bán.

Ngày 23/8/2015, thực hiện sự ủy quyền của Công ty V, ông T3 đã cùng Công ty H ông Nguyễn Tuấn A và nhà đầu tư khác giao kết *Biên bản cam kết thực hiện*. Theo đó, Công ty H cùng các nhà đầu tư đồng ý để Công ty H được toàn quyền sở hữu số lượng 1.838.400 cổ phần trúng đấu giá, xác định cụ thể số tiền Công ty H phải trả trong đó có Công ty V. Trong thời gian chờ Công ty H thanh toán tiền đóng góp (từ ngày 30/10/2015 theo thỏa thuận), ông T3 thay mặt cho Công ty V được quyền giám sát, kiểm soát mọi hoạt động cũng như có quyền quyết định ban hành mọi văn bản, nghị quyết của HĐQT của Công ty cổ phần O; đặc biệt có điều kiện ràng buộc chặt chẽ là Công ty cổ phần vận tải O chỉ được tiến hành thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh sau khi trúng đấu giá khi Công ty H đã hoàn thành nghĩa vụ trả tiền đóng góp cho Công ty V.

Đến nay, ông Tuấn A và Công ty H đã lật kèo, lợi dụng sơ hở việc cam kết làm chung, lợi dụng lòng tin và quan hệ để chiếm đoạt số cổ phần trị giá 35 tỷ đồng tại Công ty O.

Ông T3 đề nghị Tòa án xem xét, phán quyết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty V và của ông.

+ Ông Nguyễn Tuấn A: ông là Tổng giám đốc Công ty O. Công ty H thành lập tháng 2/2002 do mẹ ông và ông cùng thành lập. Đây là công ty gia đình, ông Tuấn A cùng mẹ điều hành kinh doanh về lĩnh vực vận tải, thành viên có ông Nguyễn Tất T4. Đầu tháng 7/2015, Công ty H mua cổ phần của Công ty O thoái vốn Nhà nước. Ông Tuấn A là người trực tiếp đứng ra liên hệ để Công ty H vay

của Công ty V, có hợp đồng vay, ông T3 chỉ là người trung gian liên hệ. Công ty V trực tiếp chuyển 35 tỷ đồng cho Công ty H để mua cổ phần của Công ty Cổ phần O. Việc chuyển tiền để mua cổ phần do ông Tuấn A, bà N cùng ông T4 thống nhất thực hiện. Số tiền hơn 9 tỷ là thỏa thuận nếu nhận được Công ty O thì sẽ trả số tiền này. Theo ý kiến của ông Tuấn A thì chỉ trả tiền cho Công ty V, không trả cổ phần của Công ty O.

Tại Bản án số 02/2018/KDTM-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty H trả cho Công ty V tổng số tiền là 52.010.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 35.000.000.000 đồng, tiền lãi là 7.672.000.000 đồng, tiền chi phí phát sinh phải trả theo Biên bản cam kết thực hiện ngày 23/8/2015 là 9.338.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 23/5/2018, bị đơn là Công ty H kháng cáo với nội dung: không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Công ty H trả cho Công ty V số tiền 9.338.000.000 đồng.

- Ngày 30/5/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tất T4 kháng cáo với nội dung: Hợp đồng số 50/HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015 là vô hiệu ngay tại thời điểm giao kết; xác định số nợ gốc mà bị đơn nợ nguyên đơn là 35 tỷ đồng; bác yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 9.338.000.000 đồng.

- Ngày 06/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-KDTM với nội dung:

Quá trình thực hiện hợp đồng số 50, Công ty V và Công ty H đã vi phạm các quy định của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt về giao dịch tài chính của doanh nghiệp (Điều 6 Nghị Định 222/2013/NĐ-CP). Điều 3, 4 Thông tư số 09/2015/TT-BTC hướng dẫn giao dịch tài chính của Doanh nghiệp. Như vậy, số tiền mặt 5 tỷ đồng Công ty V chuyển cho H là vi phạm các quy định nêu trên, do đó Hợp đồng số 50 bị vô hiệu một phần do vi phạm điều cấm của pháp luật Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, Công ty H phải hoàn trả lại cho Công ty V số tiền 35 tỷ đồng nhưng chỉ phải chịu lãi suất đối với số tiền 30 tỷ đồng. Bản án sơ thẩm tuyên chịu lãi suất cả số tiền 35 tỷ đồng theo hợp đồng số 50 là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty H;

Theo biên bản cam kết thực hiện ngày 23/8/2015 thể hiện số tiền mỗi cá nhân đóng gồm ông Tạ Thiên L, ông Nguyễn Thanh T3 và ông Nguyễn Tuấn A với Công ty H thể hiện số tiền phát sinh là 9.338.000.000 đồng. Hơn nữa trong bản cam kết không thể hiện Công ty V tham gia ký kết, tuy nhiên Tòa án chưa làm rõ số tiền này và không đưa ông Tạ Thiên L vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Ngoài ra bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã viện dẫn các điều luật của 03 loại lãi suất gồm: Lãi suất chậm thanh toán cho Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 là 9%/năm

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Đại diện bị đơn kháng cáo trình bày:* vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày ở Tòa án cấp sơ thẩm và thay đổi yêu cầu kháng cáo. Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo Công ty H không phải trả cho Công ty V số tiền 9.338.000.000 đồng. Vì số tiền này

- *Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T4 kháng cáo trình bày:* thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm bác yêu cầu bác buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 9.338.000.000 đồng.

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã giải quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn nhận thấy Công ty H là công ty TNHH gồm hai thành viên trong đó bà Nguyễn Thị Hải N sở hữu 99,54% vốn Điều lệ Doanh nghiệp và đồng thời là người đại diện theo pháp luật. Bà N ký kết văn bản ngày 23/8/2015 là phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phát sinh hiệu lực như bản án sơ thẩm đã nhận định; Bản cam kết ngày 23/8/2015 được ký kết hoàn toàn tự nguyện, tự do thỏa thuận và thể hiện ý chí của người đại diện theo pháp luật của Công ty H. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T4 không có bất kỳ bằng chứng phù hợp nào chứng minh văn bản ngày 23/8/2015 là ký do bị ép buộc; Việc tham gia đầu tư giữa các bên được thể hiện tại hợp đồng số 50HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015, sau đó được đổi thành quan hệ vay tài sản. Việc thay đổi quan hệ pháp luật và sự chênh lệch giá trị tài sản sau đấu giá, lãi, chi phí cơ hội của bên cho vay được bên vay tự nguyện chi trả là khoản tiền 9.339.000.000 đồng tại bản cam kết ngày 23/8/2015, ông T tham gia ký kết với tư cách đại diện ủy quyền của Công ty V. Đây chính là chi phí chuyển nhượng quyền mua lại 35% cổ phần theo cam kết đầu tư ban đầu.

Công ty V có đề nghị phương án hòa giải nếu H trả lại cho V số tiền gốc theo hợp đồng số 50HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015, số tiền 9.339.000.000 đồng tại bản cam kết ngày 23/8/2015 và số tiền lãi đối với số tiền 35 tỷ đồng vì hợp đồng quy định thời hạn vay, quá hạn vay nhưng H không trả được gốc thì phải tính lãi.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: nội dung kháng nghị cho rằng thiếu người tham gia tố tụng là không phù hợp pháp luật, vì giữa ông Tạ Thiên L và Công ty V ủy quyền đại diện là ông Nguyễn Thành T3 không có bất kỳ mối liên hệ nào bởi họ là những chủ thể độc lập, cùng xác lập trên một văn bản nhưng tồn tại hai quan hệ pháp luật khác nhau. Giữa ông L và Công ty V không có bất kỳ giao dịch dân sự nào và giữa Công ty H và ông L cũng không có sự thỏa thuận nào về trách nhiệm với Công ty V. Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát đã nhận định sai pháp luật, sai sự thật khách quan của vụ án nhằm kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, gây thiệt hại đến

tài sản cũng như xâm hại đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp; Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, việc tính lãi suất như bản án sơ thẩm là áp dụng đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

* *Về tố tụng:* sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tất T4 kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị. Đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* *Về nội dung:*

Bị đơn là Cty H và người liên quan là ông Nguyễn Tất T4 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và có cùng nội dung: Không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 52.010.000.000đ (trong đó bao gồm gốc, lãi và tiền chi phí phát sinh phải trả theo bản cam kết ngày 23/8/2015 là 9.338.000.000đ). Ngoài ra ông T4 còn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố Hợp đồng vay vốn số 50/HĐTD ngày 08/7/2015 vô hiệu tại thời điểm giao kết.

Nhận thấy quyền và lợi ích của những người kháng cáo là Cty H và ông T4 không đối lập nhau do vậy sẽ giải quyết trong cùng một nội dung.

Theo HĐ vay vốn số 50 thể hiện Cty V cho Cty H vay số tiền 35 tỷ với mục đích đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 5 tháng. Bản chất của Hợp đồng vay vốn là Công ty H đã vay tiền của Công ty V để mua cổ phần của Tổng Cty công nghiệp ô tô nắm giữ tại Công ty CP O. Công ty V sẽ đầu tư tiền mua cổ phần và việc đầu tư đầu giá mua cổ phần được thực hiện bằng danh nghĩa và tư cách pháp nhân của Công ty H. Hợp đồng vay vốn do các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, và Công ty V đã chuyển cho Công ty H đủ số tiền 35 tỷ. Như vậy phải xác định đến thời điểm hiện tại Công ty H chưa trả Công ty V số tiền trên nên Công ty V khởi kiện đòi tiền là có căn cứ.

Đối với số tiền lãi: Trong hợp đồng các bên không thỏa thuận về lãi, do Công ty H quá hạn trả nợ do đó cấp sơ thẩm tính lãi suất đối với khoản vay theo khoản 4 Điều 474 BLDS 2005 (Điều 466 BLDS 2015) theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử với mức lãi suất 9%/năm là có căn cứ. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty V và Công ty H đã vi phạm các quy định của pháp luật khi giao trực tiếp số 5.000.000.000 đồng cho nhau, do đó Hợp đồng số 50 bị vô hiệu một phần do vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015) đối với số tiền này. Vì vậy, Công ty H phải hoàn trả lại cho

Công ty V số tiền 35.000.000.000 đồng, nhưng chỉ phải chịu lãi suất đối với số tiền 30.000.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm quyết định Công ty H phải trả lãi cả số tiền 35 tỷ theo Hợp đồng số 50 là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty H như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã nhận định.

Đối với số tiền phát sinh theo bản cam kết ngày 23/8/2015: Theo HĐ số 50 các bên không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải trả lãi đối với khoản vay, cấp sơ thẩm tính cả lãi suất chậm trả và cả số tiền phát sinh theo bản cam kết đối với số tiền là 9.338.000.000 đồng để buộc bị đơn phải trả là không phù hợp bởi khoản vay chỉ phải chịu 1 loại lãi suất, hơn nữa bản cam kết không phải do hai pháp nhân tham gia ký kết. Như vậy, bản cam kết này độc lập với Hợp đồng vay vốn số 50. Điều đó đồng nghĩa với việc không cần thiết phải đưa ông Tạ Thiên L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Do đó cần sửa án về phần lãi suất để đảm bảo quyền lợi của đương sự.

Đối với nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Tất T4 đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bố Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 50 vô hiệu ngay từ thời điểm giao kết, nội dung kháng cáo này cấp phúc thẩm sẽ không giải quyết bởi tại cấp sơ thẩm ông T4 không có yêu cầu độc lập đối với nội dung này.

Ngoài ra tại phần quyết định của bản án, cấp sơ thẩm chỉ cần áp dụng lãi suất chậm thanh toán cho Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 474 BLDS năm 2005 (khoản 4 điều 466 BLDS 2015) áp dụng đối với trường hợp vay không thỏa thuận lãi là phù hợp.

Từ những phân tích đánh giá trên, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Chấp nhận kháng nghị của Viện KSND TP Hà Nội theo hướng sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất, không chấp nhận khoản tiền phát sinh theo bản cam kết ngày 23/8/2015, sửa căn cứ áp dụng lãi suất; Chấp nhận 1 phần nội dung đơn kháng cáo của Công ty H và ông Nguyễn Tất T4.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn và ông T4 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Kháng cáo và Kháng nghị trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2018/QĐ-PT ngày 01/8/2016 ấn định phiên tòa vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 16/8/2018 nhưng do ông Nguyễn Tuấn A đang bị tạm giam trong vụ án hình sự và vụ án đã được chuyển đến Tòa án nhân

dân tỉnh Lạng Sơn để xét xử, ông Nguyễn Tuấn A không còn tạm giam tại trại tạm giam T16- Bộ Công an nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã không tổng đạt được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên ngày 16/8/2018 Tòa án đã có thông báo số 310/2018/TB-TA về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa từ 08 giờ 30 phút ngày 16/8/2018 sang 08 giờ 30 phút ngày 12/9/2018. Tại phiên tòa ngày 12/9/2018, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa vì lý do vắng mặt ông Nguyễn Tuấn A và đại diện Công ty CP O và ấn định lại ngày xét xử vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 24/9/2018.

Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của bị đơn đồng thời là người đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Thành T3 đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để ông T3 được tham gia phiên tòa. Xét đây là lần mở phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tuấn A và Công ty CP O vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành phiên tòa.

Về nội dung vụ án và kháng cáo, kháng nghị:

[1] Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện với các yêu cầu:

- Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 875.000 cổ phần tương đương với 35% vốn điều lệ của Công ty CP O. Nếu không trả lại cổ phần nêu trên thì phải trả lại tiền gốc và chênh lệch giá trị theo cam kết ngày 23/8/2015, cụ thể: số tiền nợ theo cam kết là 44.356.000.000 đồng, tiền lãi tính theo lãi suất 13,5%/năm từ ngày 08/12/2015 đến ngày 08/12/2016 là 5.988.000.000 đồng và từ ngày 09/12/2016 đến ngày 08/8/2017 là 3.992.000.000 đồng.

- Kèm theo đơn khởi kiện là các tài liệu sau:

- + Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 50HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn, số tiền vay là 35 tỷ đồng, thời hạn vay là 5 tháng kể từ ngày 08/7/2015, mục đích vay: đầu tư và phát triển kinh doanh.

- + Bản cam kết thực hiện ngày 23/8/2015 giữa các bên gồm: ông Tạ Thiên L, ông Nguyễn Thành T3, ông Nguyễn Tuấn A và Công ty H.

- + Biên bản làm việc (cam kết) ngày 26/9/2015 giữa ông Tạ Thiên L, ông Nguyễn Thành T3, ông Nguyễn Tuấn A.

- + Bản thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Thành T có nội dung ông V cho ông T vay số tiền 35 tỷ đồng, mục đích để ông T mua cổ phần của Công ty CP O và sử dụng danh nghĩa Công ty V.

- + Giấy ủy quyền ngày 21/8/2015, Công ty V ủy quyền cho ông T3 làm việc với Công ty H.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bên thì thấy rằng tuy ban đầu có sự trao đổi giữa ông Nguyễn Thành T3 và ông Nguyễn Tuấn A về việc đầu tư mua cổ phần tại Công ty CP O nhưng sau đó giữa hai doanh nghiệp nguyên đơn và bị đơn đã lựa chọn hình thức giao dịch là vay tài sản thể hiện bằng hợp đồng vay vốn kinh doanh với mục đích vay là để bị đơn đầu tư và phát triển

sản xuất kinh doanh (Điều 1 Hợp đồng số 50). Như vậy, các bên đã tự nguyện lựa chọn quan hệ giao dịch vay tài sản được điều chỉnh bởi pháp luật Dân sự. Thời điểm ký kết hợp đồng ngày 08/7/2015 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật nên Tòa án sẽ căn cứ vào quy định của Bộ luật này để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ pháp luật vay tài sản.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Nếu Công ty H không trả cổ phần thì buộc Công ty H phải trả lại số tiền gốc theo hợp đồng số 50HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015 là 35.000.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty V và Công ty H ký Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 50HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015. Thực hiện hợp đồng, ngày 08/7/2015 Công ty V đã chuyển giao cho Công ty H tổng số tiền là 35.000.000.000 đồng (hình thức chuyển tiền: tiền mặt 5 tỷ, chuyển khoản 30 tỷ). Công ty H dùng tiền vay của Công ty V và đã mua thành công cổ phần của Công ty O. Đến nay, phía Công ty H vẫn giữ quan điểm không trả cổ phần mua được từ Công ty O cho Công ty V. Phía nguyên đơn cũng đưa ra yêu cầu nếu Công ty H không trả cổ phần mua được từ Công ty O thì phải trả số tiền đã vay, chi phí phát sinh do mua được cổ phần và các khoản lãi. Do đó Tòa án không xem xét, quyết định việc buộc Công ty H trả cổ phần cho Công ty V.

Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc 35.000.000.000 đồng của nguyên đơn, phía bị đơn thừa nhận đã vay số tiền 35.000.000.000 đồng của nguyên đơn thông qua Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 50HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015, thời hạn vay là 05 tháng từ ngày 08/7/2015 đến 08/12/2015, mục đích vay để đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh. Từ ngày hết thời hạn vay theo hợp đồng là ngày 08/12/2015 đến nay bị đơn chưa trả bất kỳ số tiền nào cho nguyên đơn. Sự thừa nhận của bị đơn phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn, phù hợp với các chứng cứ đã thu thập, do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền nợ gốc 35.000.000.000 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: thực hiện Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 50 HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015, ngày 08/7/2015 Công ty V đã chuyển 35.000.000.000 đồng (trong đó đã chuyển giao 5.000.000.000 đồng bằng tiền mặt và đã nộp 30.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty H). Giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh tranh chấp trong vụ án này là giao dịch về kinh doanh thương mại. Đây là giao dịch vay tài sản trong khi các bên không có chức năng thực hiện hoạt động tín dụng nên cần căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự để giải quyết. Theo Hợp đồng vay cũng như các thỏa thuận khác các bên đều không thỏa thuận về lãi suất đối khoản tiền vay. Do đó, căn cứ theo khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, cần buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng số 50 HĐTD/TVN-HV, Công ty V và Công ty H đã vi phạm các quy định của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt quy định về giao dịch tài chính của doanh nghiệp (Điều 6 Nghị Định

222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 về giao dịch tài chính của doanh nghiệp thì: 1. Các doanh nghiệp không thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp; 2. Các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng không sử dụng tiền mặt khi vay và cho vay lẫn nhau). Tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BTC ngày 29/1/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn tài chính của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 222/2013/NĐ-CP của Chính Phủ về thanh toán bằng tiền mặt, theo đó các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng khi thực hiện các giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau phải sử dụng các hình thức thanh toán như sau: *thanh toán bằng Séc; Thanh toán bằng ủy nhiệm chi - chuyển tiền; các hình thức thanh toán không sử dụng tiền mặt phù hợp khác theo quy định hiện hành.* Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản Công ty V và Công ty H đã vi phạm các quy định nêu trên khi giao trực tiếp số tiền 5.000.000.000 đồng cho nhau, do đó hợp đồng số 50 HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015 bị vô hiệu một phần do vi phạm quy định của pháp luật tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005 đối với số tiền 5.000.000.000 đồng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là đúng.

Vì vậy, Công ty H phải hoàn trả cho Công ty V số tiền 35.000.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng chỉ phải chịu lãi suất đối với số tiền 30.000.000.000 đồng theo như nhận định trong kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Bản án sơ thẩm tuyên Công ty H phải chịu lãi suất cả số tiền 35.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 50 HĐTD/TVN-HV ngày 08/7/2015 là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của công ty H cần phải tính lại lãi suất. Cụ thể:

Thời gian tính lãi từ ngày 09/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/5/2018) là 889 ngày, số tiền lãi được tính theo công thức như sau: $9\% : 365 \text{ ngày} \times 899 \text{ ngày} \times 30.000.000.000 \text{ đồng} = 6.650.136.968,3 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền Công ty H phải trả cho Công ty V là 41.650.136.968,3 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 35.000.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.650.136.968,3 đồng.

[2] Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 9.338.000.000 đồng được coi là tiền phát sinh lợi nhuận do Công ty H đã mua được cổ phần Công ty O căn cứ theo cam kết tại Biên bản cam kết thực hiện ngày 23/8/2015. Hội đồng xét xử thấy rằng, biên bản cam kết ngày 23/8/2015 giữa ông Tạ Thiên L , ông Nguyễn Thành T3, ông Nguyễn Tuấn A và Công ty TNHH vận tải và du lịch H là bản cam kết giữa các cá nhân với Công ty H , ông Nguyễn Thành T3 tham gia cam kết này với tư cách cá nhân ông T3 chứ không phải với tư cách đại diện ủy quyền của Công ty V . Trong nội dung cam kết đã ghi rõ tên ba cá nhân là ông L , ông T3, ông Tuấn A và Công ty H ; phần của ông T3 không hề ghi là đại diện cho pháp nhân nào. Phần nội dung bản cam kết thể hiện:

... cụ thể số tiền của mỗi cá nhân đóng là:

Ông Nguyễn Thành T3

Gốc: 35.018.000.000 đồng

Phát sinh: 9.338.000.000 đồng

Tổng cộng: 44.356.000.000 đồng

Công ty H có nghĩa vụ trả cho hai nhà đầu tư cá nhân là: ông L và ông T3.

Toàn bộ nội dung bản thỏa thuận đều ghi rõ từ đầu đến cuối hai nhà đầu tư cá nhân. Điều này chứng tỏ Bản thỏa thuận ngày 23/8/2015 ông T3 không hề có tư cách đại diện cho Công ty V. Và theo như đơn khởi kiện và các tài liệu thì quan hệ pháp luật là vay nợ giữa pháp nhân với pháp nhân là nguyên đơn và bị đơn. Nên Bản thỏa thuận ngày 23/8/2015 không phù hợp giao dịch pháp nhân và pháp nhân nên không có cơ sở ràng buộc trách nhiệm của Công ty H với Công ty V. Hơn nữa thỏa thuận này không phù hợp quy định của pháp luật dân sự về quyền, nghĩa vụ của bên cho vay và bên vay nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện này.

Mặt khác, trong bản cam kết có nêu rõ: trong quá trình thanh toán cho 2 Nhà đầu tư cá nhân phải được công khai và chịu sự giám sát của các bên. Về vấn đề này, ông Tạ Thiên L đã có đơn yêu cầu khởi kiện vụ án dân sự ra Tòa án nên không cần phải đưa ông Tạ Thiên L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Như vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Công ty V đối với Công ty H trả số tiền 9.338.000.000 đồng như kháng cáo của đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 35.000.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.650.136.968,3 đồng.

Về án phí: Án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu trên số tiền phải thanh toán, nguyên đơn phải chịu án phí của số tiền không được chấp nhận là 9.338.000.000 đồng với số tiền án phí là 117.338.000 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của Công ty TNHH vận tải và du lịch H và ông Nguyễn Tất T4.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội theo Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 06/6/2018.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Tổng hợp V đối với Công ty TNHH Vận tải và Du lịch H .

Buộc Công ty TNHH Vận tải và Du lịch H trả cho Công ty TNHH Thương mại và Tổng hợp V tổng số tiền 41.650.136.968,3 (*Bốn một tỷ sáu trăm năm mươi triệu một trăm ba sáu nghìn chín trăm sáu tám lẻ ba*) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 35.000.000.000 (*Ba mươi lăm tỷ*) đồng, số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.650.136.968,3 (*Sáu tỷ sáu trăm năm mươi triệu một trăm ba sáu nghìn chín trăm sáu tám lẻ ba*) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Tổng hợp V đối với Công ty TNHH Vận tải và Du lịch H trả số tiền 9.338.000.000 (*Chín tỷ ba trăm ba mươi tám triệu*) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

Bị đơn là Công ty TNHH Vận tải và Du lịch H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 149.650.136 (*Một trăm bốn chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn một trăm ba sáu*) đồng.

Nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại và Tổng hợp V phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 117.338.000 (*Một trăm mười bảy triệu ba trăm ba tám nghìn*) đồng được đối trừ vào số tiền 81.000.000 (*Tám mươi một triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2015/0006678 ngày 14/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín.

Trả lại Công ty TNHH Vận tải và Du lịch H số tiền 2.00.000 (*Hai triệu*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 6824 ngày 24/5/2018 và ông Nguyệt Tất T4 số tiền 2.00.000 (*Hai triệu*) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 6828 ngày 30/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 25/9/2018.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- TAND huyện Thường Tín;
- Đương sự;
- Lưu VP, TKT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tiến